

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15 tháng 9 năm 2022  
Về tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tùng  
Ông Huỳnh Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 119/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hà Nhân T, sinh năm 1992; Địa chỉ: K139/2 Nguyễn Du, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1991, Địa chỉ: K139/2 Nguyễn Du, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hà Nhân T như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Hà Nhân T và ông Nguyễn Quang H kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, gia đình đã hòa giải 1 lần vợ chồng quay về chung sống từ năm 2019 đến năm 2022, trong 03 năm quay lại chung sống thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tích cách và quan điểm sống không hợp nhau, không thể hòa giải mặc dù đã tìm mọi cách hàn gắn. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nếu có kéo dài cũng không có hạnh phúc do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà xác định không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại Biên bản hòa giải và bản tự khai ý kiến của Bị đơn ông Nguyễn Quang H:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng, có mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về phương thức kinh doanh và bất đồng về tài chính nhưng ông xác định tình cảm vẫn còn, ông và bà T sẽ khắc phục sửa chữa trong cách sống và sinh hoạt nên yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, tại đơn xét xử vắng mặt thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Ông H xác định không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng có đơn xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, xử cho bà Trần Hà Nhân T được ly hôn với ông Nguyễn Quang H; Về con chung: không có con chung; Tài sản chung và nợ chung các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quang H vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Trần Hà Nhân T và ông Nguyễn Quang H kết hôn vào năm 2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 65/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T trình bày là do tính tình và không cùng quan điểm sống, tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình có hòa giải một lần rồi quay lại chung sống với nhau, trong 03 năm chung sống thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải mặc dù đã tìm mọi cách hàn gắn. Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông H. Tại biên bản hòa giải ông H cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng ông xin được đoàn tụ. Tuy nhiên, tại đơn xét xử vắng mặt ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Qua đánh giá chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại đơn xét xử vắng mặt ông H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà T và ý kiến của ông H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông H xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hà Nhân T về tranh chấp “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Quang H.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Trần Hà Nhân T được ly hôn ông Nguyễn Quang H.

2. *Về con chung:* Các bên đương sự xác định không có con chung nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. *Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Hà Nhân T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005970 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND Q Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- UBND phường T, quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lưu Thị Hằng**

